

KHÍ TRONG DI SẢN VĂN HÓA

LÊ THỊ THẢO*

TÓM TẮT

Trong văn hóa của một số nước Á Đông và Ấn Độ, hình ảnh con khỉ hàm chứa những ý nghĩa tâm linh sâu xa, biểu tượng cho sức mạnh, sự thông minh, nhanh nhẹn, là hiện thân của thần linh hay là trung gian giữa thần linh và con người. Có lẽ, do gần gũi với con người và có những đặc tính mà con người yêu mến, nên hình ảnh con khỉ biểu hiện trong di sản văn hóa khá đa dạng ở một số quốc gia, tộc người. Trong văn hóa Việt Nam, mặc dù hình ảnh con khỉ tiếp thu nhiều triết lý thâm thúy của Trung Hoa và Ấn Độ nhưng lại được biểu hiện một cách hồn nhiên, phóng khoáng và hòa đồng, gần gũi với tâm thức dân gian của nông dân Việt.

Từ khóa: khỉ; di sản văn hóa; biểu tượng.

ABSTRACT

In the culture of some oriental countries and India, monkey image contains deeply spiritual meanings; symbolise the power, intelligence, perky; or embody gods or medium between gods and human. Possibly, thanks to close to human and having beloved characteristics, monkey images have diversified expressions in some countries and ethnic groups. Despite the import of philosophy of China and India, the monkey images are more spontaneous, generous and sociable to the peasant mentality in Vietnamese culture.

Key words: Monkey; cultural heritage; symbol.

Con người từ khi mới xuất hiện trên trái đất đã chất chứa nhiều ước vọng mà bản thân họ, ngay lập tức, chưa thể tự thỏa mãn. Họ không thể sống vui vẻ mà nghĩ rằng, những ước vọng đó không thể thực hiện trong đời người, họ đã tìm ra một phép “thăng lợi tinh thần” là tin tưởng vào một sức mạnh siêu nhiên trong vũ trụ. Và, họ có thể thực hiện những ước vọng đó theo những quy tắc, điều kiện nhất định. Chính vì vậy, con người đã “khoác” cho vạn vật những ý nghĩa mệnh mông, coi đó là cầu nối, là phương tiện để bù đắp những khuyết thiếu trong cuộc đời. Với tinh thần ấy, trong hành trình khảo sát và nghiên cứu di sản văn hóa, vào thời điểm chuyển mình sang năm mới - chu kỳ sống mới, chúng tôi nhận ra rằng, từ nhiều ước muốn mà con người đã rất coi trọng và có cảm tình với con khỉ. Không chỉ là con vật gần gũi với con người về nguồn gốc, không chỉ thông minh, nhanh nhẹn trong đời sống trần tục mà trong tư duy liên tưởng, khỉ đã hóa thân thành một linh vật để chuyên chở những sức mạnh thần bí, siêu nhiên.

Trong văn hóa các nước Á Đông, khỉ xếp thứ 9 trong 12 con giáp, gắn với năm "Thân" trong 12 Địa chi. Chắc hẳn điều này không phải là một sự ngẫu nhiên, bởi 9 là con số thiêng, có ý nghĩa biểu trưng. Số 9 là số lẻ, mang yếu tố dương, tượng cho sự chuyển động, sinh sôi, phát triển. 9 lại là con số lớn nhất trong các con số dương, tượng trưng cho sự sung mãn, tột đỉnh. Trong tiếng Hán, 9 là cửu (九), đồng âm với từ cửu (久) có nghĩa lâu dài. Chính vì vậy, số 9 và các bội số của 9 rất được người dân Á Đông ưa thích.

Trong văn hóa phương Đông, con khỉ có vai trò khá nổi bật. Theo truyền thuyết Tây Tạng, người dân Tây Tạng là hậu duệ của một con khỉ. Tộc Miêu (ở phía Nam Trung Quốc) có truyền thuyết về sự xuất hiện loài người như sau: Thời xa xưa, khi con người còn chưa xuất hiện, một đàn khỉ khi đi chơi trong hang động thì gặp rồng thần. Rồng thần đã thổi vào những con khỉ hơi thở thần thánh của mình, làm cho chúng biến đổi thành người. Đạo giáo cho rằng, sự lưu thông và hấp thụ "khí" trong cơ thể có thể dẫn đến tuổi thọ hoặc thậm chí bất tử. Động vật có tay, chân dài như khỉ, vượn được cho là bẩm sinh giỏi việc hấp thụ khí, do đó có được những

* Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa



quyền năng huyền bí, trong đó, có khả năng giả hình dạng con người và có khả năng kéo dài tuổi thọ cho đến vài trăm năm. Chính vì vậy, hình ảnh khí, vượn trong văn hóa Trung Hoa nhiều khi cũng tượng trưng cho sự siêu việt, bất tử. Khi còn được biết đến như một vị thần toàn năng, vì vậy, hình ảnh con khí có thể được nhìn thấy ở nhiều môi trường truyền thống, như một lá bùa bảo vệ. Ở vùng nông thôn Sơn Tây, Thiểm Tây và Nội Mông, hình tượng một con khí đá với một sợi chỉ đỏ, chạm khắc trên đuôi, thường được đặt trên giường của trẻ sơ sinh để lấy phước, với mong ước những đứa trẻ này sẽ trở nên thông minh, tràn đầy sinh lực khi lớn lên. Và, hầu như mỗi làng đều có các cột để buộc ngựa, với đầu cột khắc hình con khí. Người ta nói rằng, hình con khí này như một thứ bùa bảo vệ những con ngựa khỏi bệnh tật và chết chóc^{1,2}. Điều này cũng có nét tương đồng với văn hóa Nhật Bản. Người Nhật cho rằng, khí chính là vị thần giám hộ ngựa - một con vật có vai trò quan trọng trong đời sống vật chất và tinh thần của người Nhật. Niềm tin này lại được củng cố thêm bởi những nghi thức thực hành tín ngưỡng liên quan: các samurai thường bọc ống tên của họ bằng da khí, để khai thác sức mạnh bảo vệ của những con khí trên ngựa. Và, hình ảnh khí kéo ngựa rất phổ biến trên các ema (mảnh gỗ chạm khắc những hình ảnh thể hiện ước nguyện của con người đến thần linh, thường được treo tại các đền thờ thần Đạo).

Ở một nền chung rộng lớn hơn của tín ngưỡng Nhật Bản, khí đóng vai trò là thần bảo hộ và là trung gian giữa thần linh và con người. Trong nông nghiệp, khí được tin là có thể xua đuổi sâu bệnh. Người nông dân ở miền Nam Nhật Bản thường cho khí ăn để mong chúng bảo vệ đồng ruộng của họ. Shogun đầu tiên của Mạc phủ Tokugawa là Tokugawa Iyeyasu (1603 - 1605) đã suy tôn thần Khí là vị thần bảo vệ sự yên bình của đất nước³. Là nơi thường xuyên xảy ra động đất, núi lửa, sóng thần, Nhật Bản có nhiều truyền thuyết giải thích nguồn gốc thiên tai. Người Nhật cho rằng, ở phía Đông lục địa châu Á có con thủy quái với kích thước rất dài: đầu ở phương Bắc châu Á (giáp châu Bắc Cực), mình ở bên Nhật Bản, đuôi kéo dài đến tận Việt Nam. Mỗi lần thủy quái trở mình, cả lục địa châu Á rung chuyển. Nhưng đồng thời, người Nhật cũng sáng tạo ra nhiều vị thần có khả năng trấn áp con thủy quái, trong đó có thần Khí. Niềm tin này khiến chúng ta liên tưởng ngay đến một công trình mang

đậm phong cách Nhật Bản ở Hội An (Quảng Nam): Lai Viễn kiều (hay còn gọi là chùa Cầu, chùa Nhật Bản). Theo con mắt phong thủy, ngôi chùa Cầu như một thanh kiếm trấn yểm sông Thu Bồn, ngăn không cho thủy quái gây lụt lội. Trong chùa, ngoài thờ Bắc đế Trấn Vũ - thần trị thủy, ở hai đầu cầu còn bắt gặp 2 đôi tượng khí và tượng chó, được suy tôn là Linh Hầu và Linh Cầu - hai vị thần bảo hộ trong quan niệm của người Nhật⁴. Chúng ta cũng bắt gặp ý niệm này tại nhiều bến đò trên sông Hoàng Hà - Trung Hoa, người ta đặt tượng khí như một vị thần bảo vệ cho những chuyến đi và chúc phúc cho những người qua đò.

Nhìn sang văn hóa Ấn Độ, vua khí Hanuman là một nhân vật của thần thoại Hindu, được kể lại trong bộ sử thi lừng danh Ramayana. Hanuman là thuộc hạ thân tín của vua Rama (hóa thân của thần Vishnu). Có truyền thuyết cho rằng, Hanuman là con của Shiva, thần Nọc Lửa (Pillar of Fire). Cũng có truyền thuyết lại cho rằng, Hanuman là con của Vayu - thần Gió. Chính vì vậy, Hanuman có sức mạnh vô biên, đặc biệt là tài "di sơn đảo hải", có tinh thần nghĩa hiệp, cầm đầu một đội quân khí hùng mạnh tấn công vào đảo Lanka, giết quỷ vương Ravana và cứu được người đẹp Sita (vợ của vua Rama). Thần Khí Hanuman rất sùng bái vua Rama và cũng được Rama thương yêu nhất. Trong nhiều hình vẽ của Ấn Độ giáo, Hanuman được thể hiện với hình Rama trên ngực. Vì vậy, thần Khí Hanuman đã trở thành biểu tượng của sức mạnh và lòng trung thành. Hình tượng Hanuman còn xuất hiện nhiều trong những bản anh hùng ca của các dân tộc có ảnh hưởng của Ấn Độ giáo, ví như: Xin Xay của Lào, Ramakieng của Thái Lan, hay trường ca Riêm Kê của Campuchia.

Một số ý kiến cho rằng, khi du nhập vào nước ta, Ramayana đã được hóa thân vào truyện Thạch Sanh, với motif người anh hùng có sức mạnh vô song, đánh bại chằn tinh để cứu công chúa Quỳnh Nga. Rõ nét hơn, trong *Linh Nam chích quái* (biên soạn vào thời Trần) có truyện Dạ Xoa, kể rằng: Thời thượng cổ, ở ngoài nước Nam Việt - Âu Lạc, có nước Diệu Nghiêm, vua nước ấy hiệu là Dạ Xoa. Phía Bắc nước ấy giáp nước Hồ Tôn Tinh, thái tử nước Hồ Tôn Tinh tên là Vi Tư, có người vợ tên là Bạch Tịnh, nhan sắc tuyệt trần, trên đời ít ai có được. Vua Dạ Xoa nghe tin rất thích, bèn đem quân vây đánh nước Hồ Tôn Tinh, cướp được nàng Bạch Tịnh đem về nước. Vi Tư că giận, liền đem quân khí (di hâu) phá núi lấp biển



thành ra đất bằng, đánh phá nước Diêu Nghiêm, giết vua Dạ Xoa, rồi đem nàng Bạch Tịnh về nước⁵. Rất dễ nhận ra đây là một biến thể tóm tắt trường ca Ramayana của Ấn Độ giáo, đã trở thành một phần của văn hóa Việt Nam qua đồng bào Chăm.

Trong các di tích khảo cổ của văn hóa Chăm, bắt gặp khá nhiều hình ảnh khí ở nhiều vị trí khác nhau, như một đoàn khí 16 con, với nhiều tư thế, được chạm khắc trên diềm trang trí ở mặt bên đài thờ Trà Kiệu (Bảo tàng Diêu khắc Chăm, Đà Nẵng); hình khí ở chân tháp Khương Mỹ (Quảng Nam)... Đáng chú ý, năm 1992, một số cán bộ của Cục Di sản văn hóa và Bảo tàng Bình Định đã phát hiện nhiều phiến đá có chạm khắc nằm rải rác xung quanh tháp Đồi, trong đó có một tấm phù điêu sa thạch khắc hình con khí đang vọt ra từ miệng rắn. Chú khí trong tư thế hai tay dang ra, hai chân đang phóng về phía trước, đầu ngoảnh lại phía sau nhìn rắn, chiếc đuôi chưa lọt ra khỏi miệng rắn. Mồm rắn há rộng, nhe hai hàm răng và đang trong tư thế tấn công khí rất dữ tợn. Với hình tượng trên, chúng ta có thể nhận biết, đề tài thể hiện là cuộc giao chiến ác liệt giữa khí Hanuman với rắn Surasa trong sử thi Ramayana⁶. Đây là tác phẩm duy nhất hiện được biết tới thể hiện với đề tài này.

Khi Phật giáo xuất hiện, khí được coi là tiền kiếp của đức Phật với trí thông minh, lanh lẹ và khả năng nhìn rõ mọi việc⁷. Con khí cũng là đệ tử rất thành tâm với đức Phật, đã dâng lên đức Phật mật ong và nhiều loại hoa quả khi ngài tu luyện trên núi Tuyết. Đoàn quân khí cũng chính là lực lượng giúp sức để đức Phật chiến thắng kẻ ác. Vì vậy, trong Phật giáo nguyên thủy, mặc dù người tu hành được phép ăn những thứ thịt thanh tịnh, nhưng khí là một trong số những con vật mà người tu hành không được phép ăn⁸. Hình ảnh con khí trong triết lý Phật giáo mang hàm ý sâu xa. Gần với khí là vượn, tượng trưng cho tâm con người. Loài vượn/khỉ vốn tinh nghịch, hay nhảy nhót, không chịu yên. Tâm của con người cũng thường như vậy. Phật ví tâm người như loài khí, vượn nên gọi là viên tâm (tâm vượn). Cùng với "viên tâm" là "mã ý" (ý ngựa) - ý rong ruổi như ngựa, không ở yên một chỗ. Giữ cho tâm ý yên tĩnh, tập trung tư tưởng vào một việc là chuyện không dễ.

Chúng tôi được biết rằng, tại Nhật Bản, trong đền thờ thần Đạo Toshogu ở vùng Nikko (cách Tokyo khoảng 140km, về hướng Bắc), hiện còn lưu giữ một bức điêu khắc bằng gỗ, niên đại thế kỷ XVII,

có hình ba con khí tên là Kikazaru, Mizaru và Iwazaru: bịt tai, bịt mắt và bịt miệng. Vì từ "zaru" gần âm với "saru" có nghĩa là con khỉ, nên người ta khắc hình ba con khỉ bịt miệng, bịt mắt, bịt tai với vẻ mặt ngộ nghĩnh. Đây là sự nhân cách hóa con khỉ, để biểu đạt triết lý sâu xa: xa lánh trần tục - cách ứng xử của con người trong cái bấp bênh, tiêu cực của tâm hồn xã hội; hay biểu đạt lời răn dạy: không nhìn điều xấu, không nghe điều xấu, không nói điều xấu; hay có thể hiểu: muốn nhận thức rõ mọi sự việc trong trần gian cần bịt mắt để dùng tâm mà nhìn, bịt tai để dùng tâm mà nghe, bịt miệng để dùng tâm mà nói. Khi tâm ở trạng thái "tĩnh", không bị quấy rầy bởi những điều xấu, thì từ tâm mới phát sinh những điều "thiện". Ở đây, ta thấy mối liên hệ của tư tưởng này với tư tưởng của phái Nho gia, khi Nhan Uyên hỏi về đức nhân và những điều gì cần phải làm, Khổng Tử đã đáp: "Phi lễ vật thị, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật động" (không nhìn điều trái với phép tắc, không nghe điều trái với phép tắc, không nói điều trái với phép tắc, không làm điều trái với phép tắc). Motif khí trong bộ "tam không" được bắt gặp khá nhiều trong các di sản văn hóa liên quan đến Phật giáo ở các nước Á Đông, đặc biệt là Trung Quốc và Nhật Bản.

Một số nhà nghiên cứu cho rằng, sau chuyến đi sang Tây Trúc thỉnh kinh của Đường Tam Tạng, người Trung Quốc theo Phật giáo Đại thừa đã lấy cảm hứng từ vua khỉ Hanuman để tạo ra nhân vật Tôn Ngộ Không của mình. Tôn Ngộ Không vốn đã có mặt trong truyện dân gian từ thời nhà Đường, sau đó, được đưa vào tiểu thuyết Tây du ký, tương truyền là của Ngộ Thừa Ân thời Minh. Tên gọi Tôn Ngộ Không mang ý nghĩa triết lý của đạo Phật. Tôn là đề cao; Ngộ là khai mở tâm thức, làm cho không còn mê muội (tĩnh ngộ, giác ngộ); Không là bản thể, cốt lõi chung/cùng của muôn loài, muôn vật theo đạo Phật (sắc tức thị không, không tức thị sắc). Lấy con khỉ để biểu đạt triết lý sâu xa này là bởi con khỉ ứng xử mọi việc hỗn nhiên như cái thường hằng của đất trời. Tôn Ngộ Không được sinh ra từ một hòn đá (chất thiêng mang tính nguyên nguyên mà con người gặp được), không có cha mẹ, vợ con, tài sản, ngay cả giới tính cũng không xác định, không có bất kỳ kinh nghiệm nào của con người và không có nhiều quan niệm của người thường. Tôn Ngộ Không hội tụ sức mạnh vô song của vũ trụ: 72 phép thần thông biến hóa (thực chất 72 là con số phiếm chỉ, là bội số của 9, có nghĩa là rất nhiều. Đồng thời,



số 72 cũng xuất phát từ tư tưởng Ngũ hành, gắn với quan niệm về số lượng của người dân⁹). Tôn Ngộ Không lại được luyện trong lò Bát quái của Thái Thượng Lão Quân trên thiên đình, nên có hỏa nhãn kim tinh, có khả năng nhìn xuyên thấu, nhận biết mọi loại yêu ma dù chúng có biến hóa thế nào (biểu tượng cho việc đã đạt được thiên nhân thông, là con mắt của trí tuệ, có thể thông tỏ mọi sự). Trên hành trình đi Tây Trúc thỉnh kinh, Tôn Ngộ Không một lòng kiên định, không hề do dự về cuộc hành trình gian nan này, không oán trách, giận dữ, hay đau buồn trước mọi biến cố (không hề mang chấp trước về danh, lợi, tình). Cuối cùng, Tôn Ngộ Không đã thành chính quả, và được Phật tổ phong làm “Đấu Chiến Thắng Phật”.

Trở lại với Việt Nam, trước khi tiếp xúc mạnh mẽ với văn hóa Ấn Độ và Trung Hoa, hình ảnh con khỉ đã xuất hiện trong tín ngưỡng cổ đại của nhiều tộc người với tư cách là vật tổ (tô tem) hay yếu tố trợ giúp cho cuộc sống của con người. Trong truyền kể dân gian của một số tộc người, như Xtiêng, Raglai, Mơ Nông, có motif về người học cách đỡ đẻ của khỉ (trước đó, phải mổ bụng mẹ lấy con, mẹ chết vì bị mổ bụng, con chết vì không được bú sữa mẹ, sau đó, người chồng học được cách đỡ đẻ về làm cho vợ, khiến cả vợ và con đều được sống¹⁰). Khỉ còn dạy người trồng dây bầu, lấy quả khô đựng nước dùng trong sinh hoạt... Chính vì vậy, nhiều dòng họ, tộc ít người thờ thần Khỉ (Muq Kara - bà Khỉ, tộc Raglai¹¹), kiêng ăn thịt khỉ và trả ơn loài khỉ với tục không xua bắt khỉ đến phá rẫy. Trong truyền kể dân gian người Việt, hình ảnh con khỉ hiện lên với sự thông minh, dí dỏm: Truyện *Chú khỉ tinh khôn* kể: Hồ đòi ăn thịt khỉ, nhưng khỉ nhanh trí nghĩ ra một kế để lừa hồ. Nó nói: Bác hồ ạ, bác ăn thịt cháu cũng được thôi, nhưng phiền một nỗi là toàn thể loài vật vừa bầu cháu làm vua rồi. Bác từ nay cũng phải coi cháu là vua. Nếu bác không tin bác cứ thử đi với cháu mà xem. Chắc hơn hết bác cứ để cháu ngồi lên lưng, ta đi dạo một vòng, nếu không đúng là các loài sợ oai vua của cháu thì bác cứ việc ăn thịt. Hồ ngờ nghệch bằng lòng công khỉ đi một vòng rừng, đi đến đâu, trăm loài đều sợ sệt bỏ chạy. Họ chạy vì hồ mà hồ cứ tưởng họ sợ oai khỉ thật. Lúc ấy, khỉ mới ra oai quát hồ rằng: Nhà người thấy chưa! Trăm loài trong rừng đều sợ ta. Thế mà nhà người còn dám láo với ta. Lần này thì ta tha, vì nhà người chưa biết oai của ta là vua của núi rừng, lần sau ta sẽ trị tội nghe không! Hồ sợ quá đành vâng lời¹².

Khi văn hóa Ấn Độ và văn hóa Trung Hoa lan tỏa, ảnh hưởng đến Việt Nam, thì hình ảnh con khỉ ở nước ta cũng đã có sự “tiếp biến” với hình ảnh con khỉ của hai nền văn hóa này. Cần nói rằng, những ảnh hưởng đó chỉ như là nguyên liệu (cốt truyện hay đề tài) mà người Việt sử dụng để chế biến thành những món ăn tinh thần, tư tưởng đậm chất Việt Nam, vô cùng sinh động và sáng tạo.

Trong tiếng Hán, khỉ có âm gọi là "hầu" (猴) đồng âm với từ "hầu" (侯, tước Hầu - tước thứ hai trong năm tước: Công, Hầu, Bá, Tử, Nam) cho nên hay được dùng trong lối chơi chữ.

Truyện kể rằng: vào thời Trịnh Khải, 1783, thế lực chúa Trịnh đang suy tàn, nhưng vẫn còn kẻ nịnh bợ. Đặng Kim đã làm đến tước Hầu, mà còn xin làm con nuôi nhà chúa, đổi tên là Trịnh An. Một hôm, trên tường vôi nhà hấn, có người đến vẽ một cây cổ thụ đang xiêu đổ, lá cành trơ trụi, gốc rễ ngã nghiêng. Trên chạc có con khỉ đang nằm ngủ, bên cạnh đề câu thơ Nôm: Khỉ ơi tình dậy đi thôi/Đừng chờ cây đổ, đi đời nhà mi. Hấn tỉnh ngộ, từ quan, lấy lại tên cũ. Về sau, khi Trịnh Khải đổ, hấn tránh khỏi nạn cháy nhà vạ lây.

Trong nghệ thuật tạo hình chịu ảnh hưởng của Nho giáo, hình ảnh con khỉ thường gắn liền với giới quý tộc, với ý nghĩa cát tường:

- Hình con khỉ và con ong: tượng trưng cho sự thăng tiến (phong hầu):

Tiếng Hán gọi con ong là “phong” (蜂) cũng phát âm tương tự như từ “phong” (封) với nghĩa ban chức, phong tước hiệu. Như vậy, đồ án một con ong và một con khỉ hàm ý được phong tặng tước Hầu. Ta bắt gặp đề tài này trên một ô lá đề, mặt bên phải nhang án đá ở từ chỉ họ Đặng (huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, niên đại 1675) chạm nổi hình con khỉ và con ong, với chữ phong (ong) - hầu (khỉ), nói lên ước vọng về thăng quan tiến chức. Ý nghĩa này thống nhất với hình ảnh trong ô lá đề ở mặt đối xứng bên trái của nhang án: một con chim sẻ đang bay xuống, phía dưới là một con hươu đang nằm quay đầu lại, hướng về phía con chim sẻ, nói lên ước vọng về tước (chim sẻ), lộc (hươu), được khẳng định bởi hai chữ tước, lộc khắc chìm trên nền của đề tài.

- Hình con khỉ và con chim sẻ: tượng cho tước vị cao quý:

Do từ chim sẻ trong tiếng Hán là tước (雀), đồng âm với tước (爵), là danh vị phong cho quý tộc hoặc công thần (ngôi tước, chức tước), nên hình con khỉ



“Phong hầu - Tước lộc - Trường thọ” (chùa Bút Tháp, Bắc Ninh) - Ảnh: Nguyễn Thức

và con chim sẻ biểu thị mong ước đạt được tước vị quyền quý, cao sang. Hình ảnh này được bắt gặp ở diềm bia đề danh tiến sĩ khoa Quý Mùi, niên hiệu Phúc Thái - năm thứ 1 (1643), xen giữa hoa lá cách điệu là các hình khí và chim sẻ ở nhiều tư thế, động tác rất sinh động.

- Hình con khí ôm trái đào: tượng trưng cho sự trường thọ:

Theo truyền thuyết Trung Hoa, trong hoa viên của Tây Vương Mẫu có trồng đào tiên, 8 ngàn năm nở hoa, 8 ngàn năm kết trái. Khi vườn đào chín, Tây Vương Mẫu mở “tiệc bàn đào” mời các thần tiên đến thưởng thức, vì một miếng đào có thể tăng đến 600 tuổi thọ, nên loài người gọi là “thọ đào”. Nhiều đồ gốm sứ và chạm khắc đá, gỗ có hình con khí ôm trái đào tức là “linh hầu hiến đào”, mang ý nghĩa trường thọ. Trên cầu đá và lan can đá ở chùa Bút Tháp (Bắc Ninh, niên đại 1646), có một ô diễn tả hai chú khí, chú khí bên trái đang chơi đùa, đuổi bắt hai con ong, chú khí bên phải ngồi dưới gốc cây, tay đang ôm một trái đào. Bức chạm này mang ý nghĩa phong hầu và trường thọ. Motif này còn được thấy ở bức chạm phía góc phải trên bức cốn đình Phú Mỹ, xã Tự Lập, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. Bức chạm thể hiện đề tài “Tam đa” (Phúc, Lộc, Thọ) tượng trưng là một con khí đang nhảy nhót, tay cầm quả đào (thọ); một con dơi đang bay (phúc); một con hươu đứng đỉnh đi, đầu ngoái lại (lộc).

- Hình con khí cưỡi trên lưng ngựa: tượng trưng cho sự thăng tiến nhanh chóng (mã thượng phong hầu):

Hình tượng “mã thượng phong hầu” (khí ngồi trên lưng ngựa) kết hợp ý nghĩa của cả hai linh vật “khí và ngựa” với mong ước cho việc thăng tiến trong công việc, thăng quan tiến chức. Cặp từ “phong hầu” có nghĩa là thăng chức, lên chức, thăng tiến. Còn chữ “mã thượng” mang ý nghĩa là ngay lập tức.

Đây là đề tài ít nhiều chịu ảnh hưởng của Trung Hoa, nhưng được thể hiện khá nhiều trong tranh in dân gian của người Việt. Ở chùa Đại Mỗ (Từ Liêm, Hà Nội), ngày nay vẫn còn ván in khắc hình con khí cầm quạt, ngồi trên đuôi ngựa, mang ý nghĩa về việc thăng quan tiến chức một cách nhanh chóng. Ý nghĩa này được xác thực thêm ở hai chữ “mã hầu” ngay ở trên hình khắc.

Cùng với ý nghĩa về việc đạt được chức vị, còn có motif hình con khí treo ấn trên cây phong (tượng cho sự thăng tiến lên một vị trí cao với một con dấu chính thức - đeo ấn phong hầu) hay hình hai con khí ngồi trên cây tùng hoặc một con khí cưỡi lên lưng con khí khác (tượng cho việc duy trì một chức quan cao từ đời này sang đời khác - bồi bồi phong hầu). Motif này được bắt gặp nhiều trên gốm sứ và hội họa Trung Hoa hơn là trong nghệ thuật tạo hình Việt Nam.

Từ những ví dụ trên cho thấy, mặc dù sử dụng những chủ đề mang ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa, nhưng phương tiện và phương cách biểu đạt chủ đề đó lại đậm chất Việt Nam với sự vui tươi, hóm hỉnh, gần gũi với đời sống dân dã. Bên cạnh những hình ảnh theo chủ đề của Nho



“Tam không” (chạm khắc tại đền thờ thần Đạo Toshogu ở vùng Nikko, Nhật Bản) - Ảnh: Tác giả cung cấp

giáo, con khỉ cũng xuất hiện nhiều trên các công trình đình, đền, chùa với một tinh thần phóng khoáng, cởi mở, hòa đồng. Trong nghệ thuật tạo hình của người Việt, thời Lý đã xuất hiện khá nhiều tượng khỉ bằng đá tại tháp Chương Sơn (Ý Yên, Nam Định) với các tư thế khác nhau. Trên cửa đình Xám (Nam Trực, Nam Định) cũng chạm hàng trăm con khỉ xen lẫn trong hình chạm rồng ổ, nai, chim, rắn. Hình ảnh con khỉ tinh nghịch túm râu rỗng xuất hiện ở mảng chạm của đình An Cố (Thái Thụy, Thái Bình), hay hình khỉ túm râu con lân và một con thú khác ở chân diềm bia chùa Bút Tháp (Bắc Ninh, niên đại 1647). Ở xà góc của gian bên phải đình Lũng Xuyên (Duy Tiên, Hà Nam) chạm hình ba con khỉ đang đánh đu, vắt vẻo trên cành cây, hái quả và trêu đùa nhau. Đôi khi, khỉ như được nhân cách hóa để thể hiện những cử chỉ, động tác mang tình cảm của con người. Tại bia *Tiền triều Đình Tiên Hoàng đế công đức tăng tu điện miếu bia ký* ở đền vua Đinh (Hoa Lư, Ninh Bình), khắc năm Chính Hòa thứ 17 (1696), trên diềm bia bên phải khắc một đôi khỉ đang âu yếm nhau, bên kia khắc một con khỉ lớn cõng trên lưng một con khỉ con, thể hiện tình mẫu tử.

Trong kho tàng di sản văn hóa phi vật thể, hình ảnh con khỉ được thể hiện sống động, gắn gũi với sinh hoạt dân dã. Khỉ xuất hiện trong lời ăn tiếng nói hàng ngày, trong những câu tục ngữ, thành ngữ, như: khỉ ho cò gáy; rung cây dọa khỉ; nuôi ong tay áo, nuôi cáo khỉ dòm nhà; khỉ gió; khỉ khô; khỉ mồi; khỉ lại là khỉ, mèo lại hoàn mèo. Người dân

Nam Bộ cũng dùng con khỉ làm chủ đề chính trong một điệu lý của mình (Lý con khỉ). Trong nghệ thuật diễn xướng kịch hát Dukê của người Khmer Nam Bộ, diễn tả con khỉ với 12 động tác: cười, lạy, gãi, khóc, nhảy, âu yếm, đau khổ... Tại Tỉnh Gia (Thanh Hóa), có một số làng, mỗi khi tết đến xuân về, đều tổ chức hội Nấu cơm thi, trong đó có một tốp người đóng giả làm khỉ tinh nghịch, quấy rối, gây khó khăn cho các đội thổi cơm, tạo nên một không khí vui nhộn cho ngày hội.

Những hình ảnh khỉ trong di sản văn hóa Việt Nam trên đây, khi đối chiếu với hình ảnh khỉ trong văn hóa Trung Hoa, Nhật Bản, khiến chúng tôi nhớ tới nhận định của nhà nghiên cứu văn hóa truyền thống Trần Lâm Biền: Trải qua nhiều thời kì, giai đoạn lịch sử, văn hóa Việt Nam có giao thoa, học tập nhiều nét từ văn hóa nước ngoài, song, về cơ bản, linh vật của Việt Nam luôn giữ nét hiền hòa, cân bằng, tạo cảm giác yên bình chứ không có tính chất áp chế, đe dọa như linh vật nước ngoài...

Trên đây là một số tư liệu chúng tôi thu thập được, trong tư duy liên tưởng về những ý nghĩa văn hóa tốt đẹp gắn với khỉ, để gửi tới bạn đọc lời chúc năm Thân mọi sự tốt lành./.

L.T.T

Chú thích:

- 1,2- *The Monkey in Chinese Culture*, <http://www.chinahighlights.com/travelguide/chinese-zodiac/monkey-chinese->
- 3- *The Monkey in Japanese Culture*, https://en.wikipedia.org/wiki/Monkeys_in_Japanese_culture
- 4- Về tượng thờ chó và khỉ tại chùa Cầu, có nhà nghiên



cứ lý giải thêm: việc cân xứng 2 bên đầu cầu hai con linh vật trên là để ngụ ý về thời gian xây dựng công trình kéo dài 3 năm, bắt đầu động thổ từ năm Thân (con khỉ) và hoàn thành năm Tuất (con chó). Hơn nữa, có người cho rằng, việc xây dựng hai bên đầu cầu những con chó và khỉ là một cách chỉ phương hướng trên địa bàn: Thân chỉ hướng "Tây Nam"; còn Tuất chỉ hướng "Tây Bắc".

5- Nguyễn Hữu Vinh, Trần Đình Hoàn (2010), *Linh Nam chích quái bình giải*, tr. 119 - 120.

6- Tiến Văn (2005), "Về những cổ vật Chăm phát hiện ở tháp Đồi", <http://www.baobinhdinhh.com.vn>.

Chuyện kể rằng, sau khi nàng Sita bị quỷ vương Ravana bắt cóc, Hanuman được lệnh của Rama dẫn đầu đội quân khỉ đến đất Lanka cứu nàng Sita về. Hanuman nhún chân lấy đà nhảy một bước thần kỳ từ đất liền đến Lanka. Sức nhún của khỉ dí bẹp cả núi làm cho rắn rết ở dưới hang chết hết, nước mạch từ trong đất vọt ra thành suối và cây cối tung lên bay quanh khỉ như một vòng hoa xoay quanh người nhảy múa. Hanuman phi hành vun vút, đầu lao như một mũi tên chọc thủng mây và mình xoay tít tạo thành những trận gió lốc cuộn cả sóng biển lên, đuổi quái vật dưới nước chạy tan tác. Lúc bấy giờ ở dưới biển, có con rắn khổng lồ tên là Surasa, mẹ của Long Vương. Con rắn ấy có phép níu lấy bóng của những vật bay trên không, làm cho chúng phải rơi xuống nước để ăn thịt. Hanuman bay qua trên biển, con rắn Surasa hiện lên sừng sững để chặn đường. Nó há miệng đẩy răng nhọn hoắt định vồ lấy khỉ, nhưng khỉ phóng mình lên như một đám mây đen, choán cả một góc trời, to hơn miệng Surasa, Surasa lại phồng to hơn thế nữa. Nhanh như chớp, khỉ thu mình lại bé tí như một ngón tay, luôn qua miệng và ruột rắn rồi hiện ra ngoài và bay vút lên không trung. Bấy giờ, Surasa mới gờ thuật bắt bóng ra để níu Hanuman xuống nước, nhưng trong giây lát, khỉ đã lao mình xuống lấy móng chân cấu thủng bụng rắn và rút ruột nó ra. Rắn đau quằn quại, giãy giụa rồi chìm ngấm xuống nước. Thần tiên ở trên trời reo mừng Hanuman. Đến đảo Lanka, Hanuman hóa thành con mèo, lọt qua mắt bọn quỷ gác thành, rồi vào tận sào huyệt của quỷ Ravana, sau đó mở đường cho hoàng tử Rama vào cứu công chúa Xita...

7- Truyện khỉ là tiền kiếp của đức Phật: Khỉ sống một mình bên bờ sông, giữa lòng sông rộng là một hòn đảo có nhiều loại hoa quả thơm ngon. Mỗi buổi sáng nó nhảy từ bờ sông sang một tảng đá, rồi từ tảng đá nhảy sang hòn đảo để ăn hoa quả, buổi chiều trở lại bằng con đường cũ. Một ngày, cá sấu muốn lừa để ăn thịt khỉ, nên nghĩ ra cách nằm phủ lên hòn đá chờ đợi khỉ nhảy đến sẽ bắt nó. Thế nhưng, con khỉ thông minh đã nhìn ra hòn đá khác ngày thường, vì nước sông không giảm không tăng mà hòn đá lại có vẻ to ra. Để tìm hiểu sự việc này, con khỉ vẫn đứng tại chỗ và gọi mấy lần:

Này bạn hòn đá! Nhưng hòn đá không trả lời. Khỉ bèn hỏi thêm: Này bạn hòn đá, sao hôm nay bạn không trả lời ta? Con cá sấu thấy vậy, cứ tưởng trong những ngày trước, hòn đá này đã trả lời khỉ nên đáp lời. Vậy là khỉ nhận rõ âm mưu của cá sấu nên đã tìm ra cách đối phó và quay trở lại sông một cách an toàn.

8- Trong Phật giáo nguyên thủy, người tu hành được phép ăn năm thứ thịt thanh tịnh (ngũ tịnh nhục):

- Thịt ăn mà không thấy người giết.

- Thịt ăn mà mình không nghe tiếng của con vật kêu la.

- Thịt ăn mà mình không nghi người ta giết vì mình và cho mình ăn.

- Thịt của con thú tự chết.

- Thịt của con thú khác ăn còn dư.

Tuy nhiên, có một số con vật, người tu hành nhất quyết không được ăn, như: voi, khỉ, chó, ngựa, thỏ... vì chúng gắn liền với các kiếp đời của đức Phật hoặc đã giúp đức Phật trong quá trình giác ngộ.

9- Trong Ngũ hành có 5 phương: Đông, Tây, Nam, Bắc và Trung ương; trong lịch pháp Trung Hoa cổ đại, một năm có 360 ngày, chia thành 72 hầu, mỗi hầu 5 ngày.

10- Truyện "Bà mẹ đười ươi" (trong *Truyện cổ Raglai*, Nguyễn Thế Sang, Nxb. Văn hóa dân tộc, 1993, trang 50 - 51); Truyện "Người học khỉ đỡ đờ" (trong *Truyện cổ Raglai*, Phan Xuân Viện chủ biên, Lê Khắc Cường, Phan Văn Dớp, Nguyễn Văn Huệ; Nxb. Văn nghệ, 2006, trang 104 - 108); Truyện "Ntar Nkhun không mổ vợ đẻ" (trong *Kho tàng truyện cổ Mơ Nông*, Trương Bi chủ biên, Sở Văn hóa - Thông tin Đắk Lắk, 2006), Truyện "Sự tích dòng họ Buôn Krông" (trong *Truyện cổ Mơ Nông*, Phan Xuân Viện chủ biên, Nguyễn Văn Huệ, Lưu Quang Kha, Nguyễn Văn Phổ, Đinh Lê Thư, Nxb. Văn nghệ, 2006, trang 22 - 25).

11- Phan Xuân Viện chủ biên, Lê Khắc Cường, Phan Văn Dớp, Nguyễn Văn Huệ (2006), *Truyện cổ Raglai*, Nxb. Văn nghệ, tr. 104 - 108.

12- Cùng motif này có truyện Voi, Khỉ và Hồ: hổ và voi thì tài, giao hẹn ai thua sẽ phải nộp mạng cho kẻ kia ăn thịt. Kết quả là voi thua. Voi buồn bã đi lang thang trong rừng. Thấy vậy, khỉ bèn nghĩ cách cứu voi. Tới ngày hẹn, khỉ ngồi trên lưng voi đến nhà hổ. Gần tới nơi, khỉ cầm roi quất lia lịa vào lưng voi, quát lớn: hổ ở đâu? Hãy chỉ mau cho ta! voi lễ phép: Dạ, thưa ngài, sắp tới rồi ạ. Xin ngài đợi thêm chút nữa. Khỉ càng quát to hơn: Đi mau! Ta đói rồi, muốn ăn sống nuốt tươi nó ngay! hổ ngồi trong bụi cây trông thấy voi to xác thế mà sợ một con vật bé tẹo, xấu xí, lại nghe tiếng la hét của khỉ, chắc chắn con vật này phải có sức mạnh ghê gớm lắm. Nghĩ vậy, hổ đâm hoảng, vùng bỏ chạy.

(Ngày nhận bài: 25/12/2015; Ngày phân biện đánh giá: 29/12/2015; Ngày duyệt đăng bài: 04/01/2016).